

Bản án số: 06/2024/HS-ST
Ngày: 30/01/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đàm Văn Kiều.

2. Ông Lê Đức Chạc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Duy T - Sinh năm 1950, tại tỉnh Nam Định;

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1917, đã chết và Phạm Thị T1, sinh năm 1919, đã chết; vợ: Lại Thị C, sinh năm 1962, hiện đang ở thôn Đ, xã N, huyện N, con: Có 04 con, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo Nguyễn Duy T bị bắt tạm giam kể từ ngày 15/12/2023. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh N cho đến nay; có mặt;

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Duy T là bà Trần Thị N – Trợ giúp viên pháp lý, trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh N; có mặt.

2. Nguyễn Văn C1 - Sinh năm 1952, tại tỉnh Nam Định;

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1922, đã chết và bà

Vũ Thị X, sinh năm 1934, đã chết; vợ: Nguyễn Thị Ổ, sinh năm 1958, hiện đang ở thôn Đ, xã N, huyện N; con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1990, đã chết; tiền án: Ngày 31/12/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng xử phạt 09 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Đã chấp xong án phạt tù ngày 23/7/2020; tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng chưa chấp hành, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 27/9/2019 bị Công an xã N xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 500.000 đồng về hành vi “gây rối trật tự công cộng”. Ngày 07/10/2019 bị Ủy ban nhân dân xã N xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 2.500.000 đồng về hành vi xây dựng tường bao trái phép trên ngõ đi chung của xóm. Bị cáo Nguyễn Văn C1 bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 04/12/2023 đến ngày 13/12/2023 chuyển tạm giam. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh N cho đến nay; có mặt;

3. Nguyễn Văn T2 - Sinh năm 1963, tại tỉnh Nam Định;

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1922, đã chết và bà Vũ Thị S1, sinh năm 1926, đã chết; vợ: Phạm Thị T3, sinh năm 1964, hiện đang ở thôn Đ, xã N, huyện N, con: Có 04 con, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo Nguyễn Văn T2 bị bắt tạm giam kể từ ngày 15/12/2023. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh N cho đến nay; có mặt;

4. Nguyễn Văn B - Sinh năm 1951, tại tỉnh Nam Định;

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1922, đã chết và Vũ Thị S1, sinh năm 1926, đã chết; vợ: Vũ Thị H, sinh năm 1958, hiện đang ở thôn Đ, xã N, huyện N, con: Có 05 con, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo Nguyễn Văn B bị bắt tạm giam kể từ ngày 15/12/2023. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh N cho đến nay; có mặt;

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn B là bà Trần Thị B1 – Trợ giúp viên pháp lý, trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh N; có mặt.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Văn N1 - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã N; vắng mặt.

* *Người làm chứng:*

1. Anh Đồng Văn T4 - Sinh năm 1976; có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị M – Sinh năm 1967; vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị H1 – Sinh năm 1991; có mặt.

4. Anh Phạm Văn K – Sinh năm 1980; có mặt.
5. Chị Trần Thị N2 – Sinh năm 1988; có mặt.
6. Anh Hoàng Văn L1 – Sinh năm 1987; vắng mặt.
7. Anh Trần Mạnh T5 – Sinh năm 1994; vắng mặt.
8. Anh Vũ Quang H2 – Sinh năm 1989; vắng mặt.
9. Anh Hoàng Đức C2 – Sinh năm 2000; vắng mặt.
10. Anh Ngô Văn V – Sinh năm 1992; vắng mặt.
11. Anh Hà Văn T6 – Sinh năm 1983; vắng mặt.
12. Bà Nguyễn Thị H3 – Sinh năm 1975; có mặt.
13. Anh Nguyễn Văn K1 – Sinh năm 1972; có mặt.
14. Ông Vũ Duy H4 – Sinh năm 1967; có mặt.
15. Anh Nguyễn Văn H5 – Sinh năm 1977; có mặt.
16. Chị Nguyễn Thị T7 – Sinh năm 1994; có mặt.
17. Ông Phạm Văn Á – Sinh năm 1962; có mặt.
18. Ông Nguyễn Văn I – Sinh năm 1967; có mặt.
19. Ông Nguyễn Anh D – Sinh năm 1963; có mặt.
20. Anh Nguyễn Văn N3 – Sinh năm 1987; có mặt.
21. Anh Nguyễn Mạnh D1 – Sinh năm 1995; vắng mặt.
22. Ông Phạm Đức B2 – Sinh năm 1947; có mặt.
23. Bà Nguyễn Thị H6 – Sinh năm 1966; vắng mặt.
24. Chị Nguyễn Thị T8 – Sinh năm 1988; có mặt.
25. Bà Nguyễn Thị K2 – Sinh năm 1960; có mặt.
26. Ông Trần Đức T9 – Sinh năm 1959; có mặt.
27. Bà Ngô Thị L2 – Sinh năm 1963; có mặt.
28. Bà Lại Thị C – Sinh năm 1962; có mặt.
29. Bà Phạm Thị T3 – Sinh năm 1964; có mặt.
30. Bà Vũ Thị H – Sinh năm 1958; có mặt.
31. Ông Ninh Đức T10 – Sinh năm 1955; có mặt.
32. Ông Vũ Đình H7 – Sinh năm 1951; vắng mặt.
33. Ông Tống Quang T11 – Sinh năm 1953; có mặt.
34. Ông Ninh Văn Q – Sinh năm 1963; có mặt.
35. Chị Ninh Thị V1 – Sinh năm 1993; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do không đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng khu dân cư tập trung thôn Đ, xã N, huyện N.

Khoảng 7 giờ 30 phút ngày 04/12/2023, khi thấy anh Hoàng Văn L1, sinh năm 1987, ở xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội là người trúng đấu giá quyền sử dụng thửa đất số 262, tờ bản đồ số 02, diện tích 118m² đã được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/4/2023, thuê máy múc của Công ty X1 ở xã N tiến hành giải phóng mặt bằng để xây dựng nhà ở thì Nguyễn Duy T, sinh năm 1950; bà Lại Thị C, sinh năm 1962 (là vợ T); Nguyễn Văn T2, sinh năm 1963; bà Phạm Thị T3, sinh năm 1964 (là vợ Tung); Nguyễn Văn B, sinh năm 1951; bà Vũ Thị H, sinh năm 1958 (là vợ Bộ); bà Ngô Thị L2, sinh năm 1963 đều ở thôn Đ, xã N và Nguyễn Văn C1, sinh năm 1952 ở thôn Đ, xã N ra chửi bới và ngăn cản không cho máy múc hoạt động với lý do cho rằng đây là phần đất ruộng của gia đình họ, chưa được Nhà nước đền bù thỏa đáng nên ngăn cản giữ đất. Nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, UBND xã N đã thành lập tổ công tác do ông Phạm Văn N1 - Chủ tịch UBND xã làm trưởng đoàn đến hiện trường, yêu cầu người dân giải tán đồng thời báo cáo Công an và các cơ quan chức năng của huyện tăng cường lực lượng, đảm bảo tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Tổ công tác đã tuyên truyền, giải thích pháp luật và yêu cầu người dân giải tán nhưng ông T, T2, Bộ và các bà C, T3, H, L2 vẫn đứng sát vào máy múc để ngăn cản và có những lời nói lăng mạ, xúc phạm ông Phạm Văn N1. Nguyễn Duy T liên tục chửi: *“Phạm Văn N1 lộng hành, cậy chức, cậy quyền cướp đất của dân để phân lô bán nền, đấu giá đất để kinh doanh chuộc lợi; Thằng Nam Đảm ăn cướp của tao; thằng Nam cướp đất của dân”*. T bảo các bà C, T3, H, L2 ngồi trước máy múc còn bản thân T nằm dưới đất trước máy xúc và liên tục chửi bới, ngăn cản không cho máy xúc hoạt động. Nguyễn Văn T2 nhiều lần chửi: *“Chủ tịch ăn cướp đất của dân; thằng chủ tịch đi ăn cướp đất của dân, địt mẹ thằng chủ tịch đi ăn cướp đất của dân các ông các bà ơi; bà con dân làng xã N4 biết nhé, thằng Nam Đảm ăn cướp đất của dân; thằng N1 ăn cướp đất của dân bà con ạ; thằng N1 để trình bán ruộng của dân, ăn cướp đất của dân”*. Nguyễn Văn B liên tục, nhiều lần chửi: *“Địt mẹ thằng Nam Đảm đi ăn cướp, con chó con mèo; cái đầu của mày chuyên đi ăn cướp; địt mẹ ăn cướp đất của tao; địt mẹ thằng con nhà Đ”*. Lúc này, Nguyễn Văn C1 đang đứng phía ngoài đường gần vị trí ông Phạm Văn N1 đang đứng để tuyên truyền, giải thích pháp luật cho người dân, mặc dù Cao không có đất ruộng thuộc diện phải thu hồi để xây dựng khu dân cư tập trung thôn Đào Khê T12 nhưng do trước đó đã được T và bà H nhờ hỗ trợ nên khi nghe thấy vợ chồng các ông T, T2, Bộ và bà L2 ra ngăn cản, chửi bới; C1 cũng chỉ tay vào mặt ông Phạm Văn N1 chửi liên tục, nhiều lần: *“Địt mẹ thằng Nam Đảm chủ tịch UBND xã, thằng N ăn cướp đất của dân để bán lấy tiền”*; *“Địt mẹ thằng N, chúng mày cướp đất, chúng mày bán đi để chúng mày ăn”*; *“Địt mẹ thằng mặt lồn N, mày là thằng ăn cắp”*; *“Địt mẹ thằng N mày làm đầu buổi gì tao”* và nhiều câu nói tục tĩu khác với

mục đích giúp vợ chồng các ông T, T2, B và bà L2 giữ đất. Công an huyện phối hợp với Công an xã N đã yêu cầu ông C1, T, T2, B và những người có liên quan về UBND xã N để lập biên bản xác định vụ việc. Khi về trụ sở UBND xã các đối tượng trên vẫn tiếp tục chửi bới, gây mất trật tự, trị an làm ảnh hưởng đến Đảng bộ xã đang tổ chức cho trên 200 đảng viên học tập Nghị quyết trung ương 8 khóa 13 bằng hình thức trực tuyến tại nhà văn hoá xã và hoạt động bình thường của các ban ngành, đoàn thể xã; gây bức xúc cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Khám xét nơi ở của Nguyễn Duy T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện thu giữ một số tờ rơi, đơn thư khiếu nại do T soạn thảo với nội dung nhằm tuyên truyền, ngăn cản không cho những người dân có nhu cầu đấu giá quyền sử dụng đất tại khu dân cư tập trung thôn Đ xã N; nói xấu cán bộ, chính quyền xã N.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ 21 đoạn video (được ký hiệu từ A1 đến A21) có liên quan đến vụ việc gây rối trật tự công cộng xảy ra tại khu dân cư tập trung thuộc thôn Đ và tại UBND xã N của anh Nguyễn Mạnh D1 là Bí thư đoàn thanh niên xã N; anh Trần Mạnh T5, sinh năm 1994, ở xóm A, xã H và chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1991 ở thôn Đ, xã N là những người có mặt tại nơi xảy ra vụ việc đã sử dụng điện thoại di động cá nhân quay video lưu lại để phục vụ công tác điều tra; trung cầu giám định.

Tại Kết luận giám định số 1742, ngày 10/12/2023 của Phòng K3 Công an tỉnh N, kết luận: Không phát hiện thấy dấu vết bị cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong toàn bộ mẫu cần giám định được ký hiệu từ A1 đến A21.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, các bị cáo T, T2 và B đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo Nguyễn Văn C1 không khai nhận về hành vi của mình và cũng không ký vào các biên bản làm việc.

Bản cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 08/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng đã truy tố các bị cáo Nguyễn Duy T, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Văn B về tội “ Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà những người làm chứng trình bày: Xác nhận việc Nguyễn Văn C1 có hành động và những lời nói tục tĩu chửi ông Phạm Văn N1 – Chủ tịch UBND xã N như đã nêu ở trên.

Tại phiên toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Nguyễn Duy T, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Văn B theo như tội danh và điều luật đã nêu. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vai trò của các bị cáo trong vụ án, cụ thể: Bị cáo Nguyễn Duy T13 là người khởi xướng tham gia tích cực vào việc gây rối nên giữ vai trò thứ nhất còn Nguyễn

Văn C1, Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Văn B giữ vai trò đồng phạm giúp sức. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 318, điểm i, s, o, v, x khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Nguyễn Duy T từ 04 (Bốn) tháng đến 08 (Tám) tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 318, điểm o khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Văn C1 từ 18 (Mười tám) tháng đến 24 (Hai mươi bốn) tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Văn T2 từ 03 (Ba) tháng đến 06 (Sáu) tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 318, điểm i, s, o, v, x khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Nguyễn Văn B từ 03 (Ba) tháng đến 06 (Sáu) tháng tù; Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự để xử lý vật chứng của vụ án; đề nghị áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để buộc các bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Duy T trình bày: Nhất trí với Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng. Bị cáo Nguyễn Duy T là người cao tuổi đã trên 70 tuổi, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội bị cáo đã ăn ăn hối cải, thành khẩn khai báo. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Duy T đã có thời gian tham gia quân đội, có nhiều thành tích được Nhà nước tặng thưởng H8, huy chương. Bị cáo Nguyễn Duy T là Thương binh hạng 4/4; bệnh binh mất sức 70% nên bị cáo Nguyễn Duy T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s, o, v, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo ở mức thấp nhất và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn B trình bày: Nhất trí với cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng. Bị cáo Nguyễn Văn B là người cao tuổi đã trên 70 tuổi, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội bị cáo đã ăn ăn hối cải, thành khẩn khai báo. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Văn B đã có thời gian tham gia quân đội, có nhiều thành tích được Nhà nước tặng thưởng H8, huy chương. Bị cáo Nguyễn Văn B là Thương binh hạng 4/4 nên bị cáo Nguyễn Văn B được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s, o, v, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự xem xét cho bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Tại phiên tòa hôm nay qua xét hỏi và tranh luận các bị cáo Nguyễn Duy T, Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Văn B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình

như bản cáo trạng đã nêu. Đối với bị cáo Nguyễn Văn C1 không thành khẩn khai báo, quanh co chối tội.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo Nguyễn Duy T, Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Văn B thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo và đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo. Bị cáo Nguyễn Văn C1 có quan điểm bị cáo không phạm tội, Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo quá cao vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về định tội đối với các bị cáo:

Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; các bị cáo Nguyễn Duy T, Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Văn B trong quá trình điều tra truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Mặc dù bị cáo Nguyễn Văn C1 không thừa nhận hành vi phạm tội của mình nhưng căn cứ lời trình bày của những người làm chứng và chính lời khai của các bị cáo khác và các tài liệu đã được xác lập có trong hồ sơ vụ án (Bút lục: từ 246 đến 271; từ 283 đến 289; từ 304 đến 306; từ 317 đến 323; từ 331 đến 339; từ 352 đến 353; từ 357 đến 360; từ 402 đến 403; từ 459 đến 460; từ 466 đến 467; từ 557 đến 559; từ 588 đến 589; từ 595 đến 602; từ 604 đến 630) đã được thẩm tra tại phiên tòa cũng như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng đã truy tố các bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay. Như vậy đã đủ cơ sở xác định: Khoảng 7 giờ 30 phút ngày 04/12/2023, anh Hoàng Văn L1 đã trúng đấu giá quyền sử dụng thửa đất số 262 tờ bản đồ số 2 xã N với diện tích 118m² thuộc khu dân cư tập trung thôn Đ, xã N tiến hành thi công xây dựng nhà. Do không đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nên Nguyễn Duy T, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn C1 đã ra ngăn cản không cho anh L1 thực hiện, mặc dù đã được tổ công tác của UBND xã N tuyên truyền, giải thích nhưng Nguyễn Duy T, Nguyễn

Văn T2, Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn C1 không chấp hành mà đã có hành vi chửi bới, lăng mạ, xúc phạm đến ông Phạm Văn N1 là Chủ tịch UBND xã N bằng những câu tục tĩu sự việc diễn ra tại khu dân cư tập trung thôn Đ xã N khoảng hơn 01 tiếng đồng hồ thu hút hơn 100 người dân đứng tập trung tại khu vực này và tại trụ sở UBND xã N khoảng hơn 20 phút, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của người khác gây mất trật tự nơi công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Hành vi của các bị cáo gây nên dư luận xấu làm cho những người dân không dám đấu thầu quyền sử dụng đất vì lo sợ khi trúng thầu không sử dụng được, làm ảnh hưởng tới hoạt động quản lý của Nhà nước về đất đai. Như vậy hành vi mà các bị cáo đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng, gây mất trật tự an ninh xã hội tại địa phương, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh trật tự tại xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình nên việc đưa các bị cáo ra xét xử công khai, lên án xử lý nghiêm là cần thiết nhằm góp phần vào việc đấu tranh phòng chống tội phạm.

[3] Về vị trí vai trò của các bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Duy T là người tích cực thực hiện hành vi phạm tội nên giữ vai trò thứ nhất trong vụ án; các bị cáo Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn C1 tham gia việc gây rối nên giữ vai trò đồng phạm.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo thì thấy: Bị cáo Nguyễn Văn C1 là người có nhân thân xấu: Ngày 27/9/2019 bị Công an xã N xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 500.000 đồng về hành vi gây rối trật tự công cộng. Ngày 07/10/2019 bị Ủy ban nhân dân xã N xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 2.500.000 đồng về hành vi xây dựng tường bao trái phép trên ngõ đi chung của xóm.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Duy T, Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Văn B, lúc đầu không hợp tác, không chấp hành giấy triệu tập của cơ quan pháp luật nhưng sau đó đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo Nguyễn Duy T, Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Văn B đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo T, C1 và B là người trên 70 tuổi nên các bị cáo T, C1 và B đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra các bị cáo T và B đã có thời gian tham gia quân đội, có nhiều thành tích được Nhà nước tặng thưởng H8, huy chương; Bị cáo Nguyễn Duy T là Thương binh hạng 4/4, bệnh binh mất sức 70%; Bị cáo Nguyễn Văn B là thương binh hạng 4/4 nên các bị cáo T và B được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

quy định tại điểm v, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Duy T, Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Văn B không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn C1 ngày 31/12/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng xử phạt 09 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, đã chấp xong án phạt tù ngày 23/7/2020, chưa nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm. Mặc dù tại phiên toà hôm nay bà Nguyễn Thị Ổ (vợ bị cáo C1) giao nộp cho Toà án 01 Biên lai thu tiền thuế, phí, lệ phí số 0004522 ngày 12/01/2024 thể hiện bà Ổ đã nộp thay cho bị cáo C1 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm tuy nhiên ngày 04/12/2023 bị cáo C1 đã thực hiện hành vi phạm tội tức là sau khi bị cáo C1 thực hiện hành vi phạm tội thì bà Ổ mới nộp thay tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo do vậy Hội đồng xét xử xác định khi bị cáo C1 phạm tội chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà bị cáo Nguyễn Văn C1 vẫn không nhận tội nhưng sau khi tranh luận bị cáo nói lời cuối cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, tập chung cải tạo đối với các bị cáo nhằm trừng trị, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen, đã qua sử dụng, mặt sau màu xanh có hình logo quả táo khuyết một góc và 03 camera, có 02 số IMEI: 355209290222973 và 355209290222981 thu giữ của Nguyễn Văn C1, ngày 04/12/2023 bà H (vợ bị cáo B) có liên lạc với Nguyễn Văn C1 với mục đích không để gây rối trật tự mà nhờ C1 đến hỗ trợ sợ bị hành hung nên cần xem xét trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn C1 là phù hợp.

[6] Đối với Lại Thị Chải, Phạm Thị T3, Vũ Thị H và Ngô Thị L2 có hành vi gây mất trật tự công cộng tại khu dân cư tập trung thôn Đ và tại UBND xã N, tuy nhiên hành vi chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự nên Công an huyện N đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

[7] Các bị cáo Nguyễn Duy T, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Văn B phải chịu án phí theo quy định tại Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 318; điểm i, s, o, v, x khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Duy T;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 318; điểm o khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn C1;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T2;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 318; điểm i, s, o, v, x khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn B;

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Duy T, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Văn B phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T 04 (Bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/12/2023.

3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C1 21 (Hai mươi một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/12/2023.

4. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/12/2023.

5. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/12/2023.

6. Về xử lý vật chứng:

Hoàn trả cho bị cáo Nguyễn Văn C1 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen, đã qua sử dụng, mặt sau màu xanh có hình logo quả táo khuyết một góc và 03 camera, có 02 số IMEI: 355209290222973 và 355209290222981.

Vật chứng của vụ án đang được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng theo như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện N và Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng lập ngày 10/01/2024.

7. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Duy T, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Văn B mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án và người được thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKS nhân dân Tỉnh + huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã N;
- Án văn + lưu hồ sơ;
- Thi hành án phạt tù.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Phạm Hùng Phương